

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 3 - 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hồng N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp TL, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Liêu Vũ K, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp TT, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2020, nguyên đơn chị Trần Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị với anh Liêu Vũ K tự nguyện chung sống với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh K không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về chửi, đánh đập chị, được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng anh K vẫn không sửa

đôi. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tồn tại hạnh phúc được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị N xác định có hai con chung tên Liêu Thị Anh T sinh ngày 29/8/2011 và Liêu Chí Y sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn chị tự nguyện giao hai cháu cho anh K nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản và nợ: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại đơn từ chối tham gia phiên tòa ngày 25/02/2020, bị đơn anh Liêu Vũ K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Anh K thống nhất theo lời trình bày của chị N về con chung. Khi ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu T và Y; không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Hồng N và anh Liêu Vũ K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị N với anh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Hồng N với anh Liêu Vũ K được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh K không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về đánh đập chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh K; đối với anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh K là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Hồng N và anh Liêu Vũ K có 02 người con tên Liêu Thị Anh T sinh ngày 29/8/2011 và Liêu Chí Y sinh ngày 11/12/2012, hiện đang sống cùng với anh K. Khi ly hôn chị N giao hai cháu T và Y cho anh K nuôi dưỡng, đối với anh K yêu cầu được nuôi cả hai cháu T và Y. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N tự nguyện giao cả hai con chung cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu được nuôi cả hai con chung của anh K và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu T và Y. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao các cháu T và Y cho anh K được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị N và anh K không đặt ra, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh K không có ý kiến gì về tài sản và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hồng N cho chị Trần Hồng N được ly hôn với anh Liêu Vũ K.

2. Về con chung: Giao các cháu Liêu Thị Anh T sinh ngày 29/8/2011 và Liêu Chí Y sinh ngày 11/12/2012 cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu T và Y đều đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010262 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Tiêu Hồng Phụng